ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 4382/UBND-VHXH V/v Phân bổ đại biểu dự Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số cấp tỉnh	*Đắk Lắk, ngày 25 tháng 6 năm 2014*

Kính gửi:
- Ban Dân tộc;
- Ủy ban Nhân dân các huyện, thành phố, thị xã.

Xử lý Công văn số: 297/BDT-CSDT ngày 18/6/2014 của Ban Tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số của tỉnh về phân bổ số lượng, thành phần dân tộc đại biểu dự Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số của tỉnh lần thứ II; Ủy ban Nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Phân bổ số lượng, thành phần dân tộc đại biểu của các huyện, thị xã, thành phố dự Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số của tỉnh lần thứ II, năm 2014; chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

2. Tiêu chí, tổ chức tuyển chọn đại biểu: Thực hiện theo Kế hoạch số: 3822/KH-UBND ngày 04/6/2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh; đồng thời số đại biểu là nữ của địa phương được bầu chọn dự Đại hội cấp tỉnh phải chiếm tỷ lệ tối thiểu là 30%.

3. Ban Dân tộc (cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo của tỉnh) chịu trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, giám sát Ủy ban Nhân dân các huyện, thành phố, thị xã thực hiện; kịp thời phản ánh những vấn đề phát sinh cho Ủy ban Nhân dân tỉnh để chỉ đạo xử lý.

Nhận được Công văn này, Ban Dân tộc, Ủy ban Nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các đơn vị có liên quan thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TT Tỉnh ủy (B/c);
- TT HĐND tỉnh (B/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Văn phòng UBND tỉnh:
  + CVP, các PCVP;
  + TH, NC;
- Lưu VT, VHXH. H.40

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Hoan Niê Kđăm

Phụ lục:

Phân bổ số lượng và thành phần dân tộc đại biểu các địa phương dự Đại hội đại biểu các DTTS của tỉnh lần thứ II, năm 2014

(Kèm theo Công văn số: 4382/UBND-VHXH ngày 25/6/2014 của UBND tỉnh)

TT	Dân tộc	Tổng số khẩu	Chia ra các đơn vị huyện, thị xã, thành phố															
			Tổng số đại biểu	BMT	Ea H'Leo	Ea Súp	Krông Năng	Krông Buk	Thị xã Buôn Hồ	Buôn Đôn	Cư M'Gar	Ea Kar	M'Drăk	Krông Pắc	Krông Ana	Cư Kuin	Krông Bông	Lăk
TỔNG SỐ		**572.069**	**190**	**20**	**15**	**12**	**10**	**8**	**9**	**11**	**18**	**10**	**10**	**21**	**9**	**9**	**11**	**17**
1	Ê Đê	298.534	61	2	3		3	7	6	2	9	3	4	6	6	6	3	1
2	Nùng	71.461	19	1	3	2	1		2	2	1	2	1	3		1		
3	Tày	51.285	14	1	1	1	3		1	1	1	1	1	1		1		1
4	Mnông	40.344	22							4					1		3	14
5	Hmông	22.760	8			1							3				4	
6	Thái	17.135	6	2		1	1				1							1
7	Gia Rai	16.129	11		6	3		1			1							
8	Dao	15.303	6		1	1					2	1	1					
9	Mường	15.510	7	2	1		1				1	1					1	
10	Xơ Đăng	8.041	4								1			3				
11	Sán Chay	5.220	3									1		2				
12	Bru Vân Kiều	3.348	4									1		3				
13	Hoa (Hán)	3.476	4	3										1				
14	Khơ Me	543	2	2														
15	Thổ(4)	541	1											1				
16	Chứt	435	1				1											
17	Hrê	341	2								1				1			
18	Ba Na	301	2			2												
19	Sán Dìu	236	1	1														
20	Lào	275	2							2								
21	Chăm	271	2	2														
22	Cơ Ho	151	1	1														

TT	Dân tộc	Tổng số khẩu	Chia ra các đơn vị huyện, thị xã, thành phố															
			Tổng số đại biểu	BMT	Ea H'Leo	Ea Súp	Krông Năng	Krông Buk	Thị xã Buôn Hồ	Buôn Đôn	Cư M'Gar	Ea Kar	M'Đrăk	Krông Pắc	Krông Ana	Cư Kuin	Krông Bông	Lăk
23	Ra Glai	98	1	1														
24	Gié Triêng	78	1											1				
25	Ngái	37	1			1												
26	Mạ	31	1	1														
27	Chơ Ro	25	1												1			
28	La Chí	22	1													1		
29	Co	19	0															
30	Cơ Tu	17	1	1														
31	Xtiêng	15	0															
32	Mảng	15	0															
33	Cơ Lao	14	0															
34	Lô Lô	13	0															
35	Chu Ru	11	0															
36	Giáy	11	0															
37	Tà Ôi	5	0															
38	Hà Nhì	4	0															
39	.Pà Thẻn	4	0															
40	Khơ mú	3	0															
41	Kháng	2	0															
42	Xinh Mun	1	0															
43	La Hủ	1	0															
44	La Ha	1	0															
45	Cống	1	0															
46	Si La	1	0															